

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài
học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Công dân Việt Nam là học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh và người học ra nước ngoài học tập theo các khóa đào tạo, bồi dưỡng từ 03 tháng liên tục trở lên (sau đây gọi chung là du học sinh);

b) Công dân Việt Nam là giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

c) Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học;

d) Cơ quan, tổ chức cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

đ) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan ở trong nước và nước ngoài chịu trách nhiệm quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Nghị định này không áp dụng đối với công dân Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định của Nghị định này và phù hợp với yêu cầu của lực lượng quân đội, công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Du học sinh học bổng ngân sách nhà nước là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập được nhận toàn phần hoặc một phần chi phí đào tạo, chi phí đi lại, sinh hoạt phí và các chi phí khác liên quan đến học tập từ một hoặc nhiều nguồn trong các nguồn kinh phí sau đây:

a) Học bổng ngân sách nhà nước cấp trong khuôn khổ hiệp định, thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài;

b) Học bổng ngân sách nhà nước cấp thông qua các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Học bổng do Chính phủ nước ngoài, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), chính quyền các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam (sau đây gọi chung là học bổng do phía nước ngoài đài thọ).

2. Du học sinh học bổng khác là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập được nhận toàn phần hoặc một phần chi phí đào tạo, chi phí đi lại, sinh hoạt phí và các chi phí khác liên quan đến học tập do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ không phải từ nguồn kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Du học sinh tự túc là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập không phải từ nguồn kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Thực tập sinh là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập và thực tập tại môi trường làm việc phù hợp với ngành, nghề đang được đào tạo tại Việt Nam để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

5. Trao đổi học thuật là các hoạt động trao đổi, thảo luận trực tiếp hoặc thông qua hội nghị, hội thảo về chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của người tham gia.

6. Cơ quan quản lý trực tiếp là cơ quan tuyển dụng, quản lý, đề cử, giới thiệu công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao

đổi học thuật và tiếp nhận về làm việc sau khi tốt nghiệp, kết thúc chương trình học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật.

7. Cơ quan cử đi học là cơ quan có thẩm quyền thực hiện tuyển sinh, ra quyết định cuối cùng về việc cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập và quyết định việc cấp học bổng (nếu có).

Điều 4. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (sau đây gọi chung là Hệ thống cơ sở dữ liệu) do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật có trách nhiệm thực hiện cung cấp thông tin cần thiết vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau khi đến nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật, công dân Việt Nam có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

CÔNG DÂN VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP

Mục 1

DU HỌC SINH HỌC BỔNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

1. Tiêu chuẩn đối với công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

- a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- b) Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng quy định của chương trình học bổng và đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của chương trình học bổng;
- d) Được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý cử đi học (đối với trường hợp có cơ quan công tác);
- đ) Đáp ứng các quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định của Đảng (đối với trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức và là đảng viên).

2. Hồ sơ dự tuyển gồm:

- a) Công văn của cơ quan quản lý trực tiếp cử dự tuyển (đối với trường hợp có cơ quan công tác);
- b) Cam kết thực hiện trách nhiệm của người được cử đi dự tuyển theo yêu cầu của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác);
- c) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với trường hợp không có cơ quan công tác);
- d) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng quy định của chương trình học bổng;
- đ) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác nhận đủ điều kiện đi học nước ngoài;
- e) Các giấy tờ khác (nếu có) theo yêu cầu của chương trình học bổng và cơ quan cử đi học.

3. Trình tự thực hiện:

- a) Ứng viên dự tuyển nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học;